TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 141/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 16 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lưu Đình H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 15 Nguyễn Thái Học, Khu phố 2, phường Mỹ Hương, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Lê Thị Thanh H1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 18/7G tổ 11, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lưu Đình H và bà Lê Thị Thanh H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1990 và có đăng ký kết hôn trễ hạn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hương, thị xã Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận ngày 08/10/1997).

Vợ chồng chung sống được 08 (Tám) năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng là do ông H hay ăn nhậu, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ năm 2005 cho đến nay bà H1 vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và từ đó cho đến nay cả hai không

thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm chăm sóc nhau, độc lập về kinh tế.

Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của ông Lưu Đình H và bà Lê Thị Thanh H1 là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Lưu Đình H và bà Lê Thị Thanh H1 có 03 (ba) con chung là Lưu Đình Thanh Kim H2, sinh năm 1990 (đã trưởng thành); trẻ Lưu Thanh H3, sinh ngày 14/12/2002 và trẻ Lưu Thanh H4, sinh ngày 12/03/2004.

Ông Lưu Đình H và bà Lê Thị Thanh H1 thỏa thuận sau khi ly hôn: Giao ông Lưu Đình H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lưu Thanh H3, giao bà Lê Thị Thanh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lưu Thanh H4; Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận. Xét đây là yêu cầu của ông H, bà H1 trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận không trái pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Lưu Đình H và bà Lê Thị Thanh H1 xác nhận tài sản chung không có, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Ông Lưu Đình H và bà Lê Thị Thanh H1 xác định không có nợ chung, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Ông Lưu Đình H và bà Lê Thị Thanh H1 chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Đình H và bà Lê Thị Thanh H1 thuận tình ly hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hương, thị xã Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận ngày 08/10/1997).

1.2. Về con chung: Ông Lưu Đình H và bà Lê Thị Thanh H1 có 03 (ba) con chung là Lưu Đình Thanh Kim H2, sinh năm 1990 (đã trưởng thành); trẻ Lưu Thanh H3, sinh ngày 14/12/2002 và trẻ Lưu Thanh H4, sinh ngày 12/03/2004.

Ông Lưu Đình H và bà Lê Thị Thanh H1 thỏa thuận: Giao ông Lưu Đình H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lưu Thanh H3, giao bà Lê Thị Thanh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lưu Thanh H4; Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Ông Lưu Đình H và bà Lê Thị Thanh H1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và

mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu, các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Ông Lưu Đình H và bà Lê Thị Thanh H1 xác nhận tài sản chung không có.

1.4. Về nợ chung: Ông Lưu Đình H và bà Lê Thị Thanh H1 xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lưu Đình H và bà Lê Thị Thanh H1 chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0032287 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông Lưu Đình H và bà Lê Thị Thanh H1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thơm);

Mai Trần Cảnh